

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất,
đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 2268/STC-GCS ngày 18/9/2014; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 979/BC-STP ngày 15/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất:

a. Đất thuộc đô thị, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lợi đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, dịch vụ gồm:

a.1. Thành phố Hà Tĩnh:

- Các vị trí bám mặt tiền thuộc đường Hà Huy Tập, đường Trần Phú, đường Phan Đình Phùng, đường Hàm Nghi, đường Nguyễn Chí Thanh, đường Nguyễn Công Trứ, đường Đặng Dung, đường Hà Tôn Mục, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, đường 26/3, đường Nguyễn Biểu: 1,3%;

- Tất cả các vị trí thuộc các đường khác có tên của thành phố Hà Tĩnh: 1,2%;

- Các vị trí khác còn lại thuộc thành phố Hà Tĩnh: 1,1%.

a.2. Thị xã Hồng Lĩnh:

- Các vị trí bám mặt tiền thuộc đường Nguyễn Ái Quốc, đường Quang Trung, đường Trần Phú: 1,1%;

- Tất cả các vị trí bám mặt tiền thuộc các đường có tên và các vị trí khác còn lại của thị xã Hồng Lĩnh: 1,0%.

b. Đất các dự án thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm các huyện trong tỉnh), đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất sử dụng vào mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của Chính phủ, như sau:

b.1. Đất các dự án thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm các huyện trong tỉnh): 0,75%;

b.2. Đất sử dụng vào mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của Chính phủ, đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, như sau:

- 0,60% đối với địa bàn các huyện trong tỉnh;

- 0,75% đối với địa bàn thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh.

c. Đất sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (áp dụng cho toàn tỉnh) tỷ lệ tính đơn giá thuê đất là 1% trên giá đất tính tiền thuê đất.

2. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm:

Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm được xác định bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước:

Đơn giá thuê đất có mặt nước bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 26/4/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá tiền thuê đất, thuê mặt nước; Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 10/5/2013 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh giá đất và đơn giá thuê đất chuyên dùng tại các khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Các nội dung quy định khác có liên quan đến thu tiền thuê đất, thuê mặt nước không nêu trong Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê

mặt nước và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Đề Bí Thư Tỉnh ủy, các đ/c Phó BT Tỉnh ủy;
- TTtr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Các Phó VP; các Tổ CV/VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL. *noke*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

